



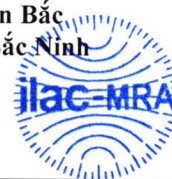
VIỆN NGHIÊN CỨU NUÔI TRỒNG THỦY SẢN I

Trung tâm Quan trắc Môi trường và Bệnh thủy sản miền Bắc

Địa chỉ: Phường Đình Bảng – thành phố Từ Sơn – tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 0243.8785751 Fax: 0243.878.0099

Email: o.cedma@ria1.org, website: www.ria1.org



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Mã phiếu: QTHT230510

1. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng: Chi cục Thủy sản Hà Tĩnh

Địa chỉ: Số 04 – Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh - Thành phố Hà Tĩnh - tỉnh Hà Tĩnh

Số điện thoại liên hệ/Email (nếu có): 039 3693157

Loại mẫu:

- Nước mặt Nước biển Nước thải Nước nuôi Động vật
trồng thủy sản Động vật
thủy sản
- Sản phẩm Đất Bùn Trầm tích Khác
thủy sản

Tình trạng mẫu: Bảo quản lạnh

Địa điểm thu mẫu: Chi tiết tại Bảng 2

Ngày thu mẫu: 8-9/5/2023

Ngày nhận mẫu: 10/5/2023

Người nhận mẫu: Đặng Thị Phú

Chỉ tiêu và phương pháp phân tích: Chi tiết tại Bảng 1

Ngày phân tích: 10-12/5/2023

Bảng 1: Chỉ tiêu và phương pháp phân tích

TT	Chỉ tiêu	Phương pháp phân tích
1.	N-NH ₄ ⁺	HD.H.01
2.	TSS	SMEWW 2540D:2017
3.	COD	SMEWW5220 C:2017
4.	H ₂ S	SMEWW 4500-S ₂ ⁻ B,D:2017
5.	Mật độ tảo, thành phần tảo độc	SMEWW 10200 F:2017

Bảng 2: Địa điểm thu mẫu

TT	Địa điểm thu mẫu	Ký hiệu mẫu
Nguồn cấp		
1.	Kỳ Ninh (Hói Lỗ)	NC KN
2.	Kỳ Thụ (Ngọc Rào)	NC KT
3.	Cắm Lọc (Bãi Rào)	CL-KC
4.	Thạch Hạ (Đồng ghè)	Nước cấp Thạch Hạ
5.	Đan Trường	Nước cấp ĐT
6.	Thạch Châu	Nước cấp TC
7.	Đỉnh Bàn	N. cấp Đ.Bàn
Ao nuôi		
8.	Kỳ Ninh: Nguyễn Văn Lý	Ao N KN
9.	Kỳ Thụ: Võ Xuân Dương	Ao ĐT KT
10.	Cắm Lọc: Nguyễn Văn Xuân	CL-X
11.	Thạch Hạ: Dương Quốc Khánh	Ao nuôi Thạch Hạ
12.	Đan Trường: Võ Văn Hợp	Nước ao ĐT
13.	Thạch Châu: Trần Văn Ân	Nước ao TC
14.	Đỉnh Bàn: Phan Văn Nhi	N. ao Đỉnh Bàn

2. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Bảng 3: Kết quả phân tích thủy hóa

Địa điểm	Nhiệt độ***	pH****	DO****	Độ trong***	Độ mặn***	Độ kiềm***	N-NH ₄ ⁺ *	COD	H ₂ S	TSS
	°C		mg/l	cm	‰	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l
Nguồn cấp										
Kỳ Ninh	26	7,5	4	40	22	89,5	0,239	4,00	0,000	49,50
Kỳ Thu	27	7,5	4	40	12	71,6	0,027	3,84	0,002	22,50
Cẩm Lộc	28	8	4	35	20	89,5	0,069	2,64	0,000	20,00
Thạch Hạ	28	8	4	50	20	71,6	0,078	2,72	0,000	17,33
Đan Trường	26	8	4	60	19	71,6	0,079	2,40	0,000	15,67
Thạch Châu	27	7,5	4	40	30	71,6	0,128	1,28	0,000	26,33
Đỉnh Bàn	29	7,8	3,5	45	20	71,6	0,232	3,52	0,000	28,50
Ao nuôi										
Nguyễn Văn Lý	26	8,2	4,5	30	30	107,4	0,334	3,04	0,000	34,50
Võ Xuân Dương	27	8,2	5	30	10	143,2	0,246	2,72	0,002	124,71
Nguyễn Văn Xuân	28	8,5	4,5	30	20	89,5	0,022	4,64	0,000	39,00

Địa điểm	Nhiệt độ***	pH***	DO***	Độ trong***	Độ mặn***	Độ kiềm***	N-NH ₄ ⁺ *	COD	H ₂ S	TSS
	°C		mg/l	cm	‰	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l
Dương Quốc Khánh	28	8,5	4,5	35	21	89,5	0,084	4,64	0,001	73,33
Võ Văn Hợp	26	7,8	4	30	19	71,6	0,099	2,24	0,000	28,00
Trần Văn Ân	27	7,8	4	30	30	71,6	0,360	1,44	0,000	30,00
Phan Văn Nhi	29	8	4	30	16	125,3	1,554	5,44	0,003	69,00
Quy chuẩn tham chiếu	18-33^b	7-9^b	≥3,5^b	20-50^b	5-35^b	60-180^b	<0,3^c	<10^c	<0,05^b	50^a

Ghi chú:

- **Ký hiệu (a): QCVN 10-MT:2015/BTNMT:** Quy chuẩn Việt Nam. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước biển – Nước biển vùng biển ven bờ. Cột giá trị giới hạn – Vùng nuôi trồng thủy sản, bảo tồn thủy sinh.
- **Ký hiệu (b): QCVN 02-19:2014/BNNPTNT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở nuôi tôm nước lợ - Điều kiện đảm bảo vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm.
- **Dấu (*):** Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.
- **Ký hiệu (c): QCVN 08-MT:2015/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt - Cột A1: Bảo tồn động thực vật thủy sinh.
- **Dấu (***):** Chỉ tiêu đo tại hiện trường, được cung cấp bởi Chi cục Thủy sản Hà Tĩnh.

Bảng 4: Kết quả phân tích mật độ tảo, thành phần tảo độc

Điểm quan trắc	Mật độ tảo					Tổng (tế bào/lít)	Thành phần tảo độc
	Tảo Lục	Tảo Silic	Tảo Lam	Tảo Giáp	Tảo mắt		
Nguồn cấp							
Kỳ Ninh	0	1.400	0	0	0	1.400	KPH
Kỳ Thu	0	400	0	0	0	400	KPH
Cẩm Lộc	0	390	0	0	0	390	KPH
Thạch Hạ	0	240	0	960	0	1.200	KPH
Đan Trường	0	0	48.620	0	0	48.620	KPH
Thạch Châu	2.400	10.880	0	0	0	13.280	KPH
Đình Bàn	0	1.690	0	0	0	1.690	KPH
Ao nuôi							
Nguyễn Văn Lý	0	1.540	0	0	0	1.540	KPH
Võ Xuân Dương	1.400.000	21.167	11.667	8.167	4.667	1.445.668	KPH
Nguyễn Văn Xuân	450	270	3.600	0	0	4.320	KPH
Dương Quốc Khánh	0	12.750.000	0	0	0	12.750.000	KPH
Võ Văn Hợp	0	1.320	0	0	0	1.320	KPH
Trần Văn Ân	10.200.000	2.550	127.500	510	0	10.330.560	KPH
Phan Văn Nhi	65.000	13.000	9.100	0	0	87.100	KPH

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

3. NHẬN XÉT

3.1 Nguồn cấp

- Các chỉ tiêu phân tích bao gồm nhiệt độ, DO, pH, độ trong, độ kiềm, độ mặn, N-NH₄⁺, COD, TSS và H₂S tại các điểm quan trắc đều có giá trị trong giới hạn cho phép theo QCVN 10-MT:2015/BTNMT; QCVN 02-19:2014/BNNPTNT và QCVN 08-MT:2015/BTNMT.
- Mật độ tảo tại các điểm quan trắc nguồn cấp dao động từ 390 – 48.620 tế bào/lít. Nguồn cấp tại Đan Trường có mật độ cao nhất (48.620 tế bào/lít), kế đến là Thạch Châu (13.280 tế bào/lít), Đỉnh Bàn (1.690 tế bào/lít), Kỳ Ninh (1.400 tế bào/lít), Thạch Hạ (1.200 tế bào/lít), Kỳ Thu (400 tế bào/lít). Nguồn cấp Cẩm Lộc có mật độ tảo thấp nhất (390 tế bào/lít). Không phát hiện tảo độc tại 7 điểm nguồn cấp.

3.2 Ao nuôi

- Các chỉ tiêu phân tích bao gồm nhiệt độ, DO, pH, độ trong, độ mặn, độ kiềm, COD và H₂S tại các điểm quan trắc đều có giá trị trong giới hạn cho phép.
- Hàm lượng N-NH₄⁺ tại 03 ao nuôi thuộc các hộ Nguyễn Văn Lý - Kỳ Ninh, Trần Văn Ân - Thạch Châu và Phan Văn Nhi - Đỉnh Bàn có giá trị cao vượt giới hạn cho phép lần lượt là 1,11 lần, 1,20 lần và 5,18 lần.
- Hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng (TSS) tại 03 ao nuôi thuộc các hộ Võ Xuân Dương - Kỳ Thu, Dương Quốc Khánh - Thạch Hạ và ao nuôi Phan Văn Nhi - Đỉnh Bàn có giá trị cao hơn giới hạn cho phép lần lượt là 1,38 lần, 1,47 lần và 2,49 lần.
- Mật độ tảo tại ao nuôi của các hộ dao động từ 1.320 – 12.750.000 tế bào/lít. Ao nuôi thuộc hộ nuôi Dương Quốc Khánh tại Thạch Hạ có mật độ cao nhất (12.750.000 tế bào/lít), kế đến là Trần Văn Ân tại Thạch Châu (10.330.560 tế bào/lít), Võ Xuân Dương - Kỳ Thu (1.445.668 tế bào/lít), Phan Văn Nhi – Đỉnh Bàn (87.100 tế bào/lít), Nguyễn Văn Xuân – Cẩm Lộc (4.320 tế bào/lít), Nguyễn Văn Lý – Kỳ Ninh (1.540 tế bào/lít). Ao thuộc hộ nuôi Võ Văn Hợp – Đan Trường có mật độ tảo thấp nhất (1.320 tế bào/lít). Không phát hiện tảo độc tại 7 điểm thu ao nuôi.

4. KHUYẾN CÁO

- Đối các nguồn cấp có hàm lượng N-NH₄⁺ và TSS cao cần lấy nước vào ao chứa và xử lý trước khi cấp vào ao nuôi.
- Ao của hộ nuôi Trần Văn Ân có hàm lượng N-NH₄⁺ cao, mật độ tảo cao, Phan Văn Nhi có hàm lượng N-NH₄⁺, TSS cao, Nguyễn Văn Lý có hàm lượng N-NH₄⁺ cao, Võ Xuân Dương và Dương Quốc Khánh có hàm lượng TSS cao, mật độ tảo cao, Phan Văn

Nhi có hàm lượng TSS cao cần tăng cường kiểm soát lượng thức ăn, tránh dư thừa gây hiện tượng phú dưỡng. Các ao này có thể xuất hiện hiện tượng oxy thấp vào thời điểm sáng sớm và pH cao vượt ngưỡng vào buổi trưa/chiều, do đó các hộ nuôi cần thường xuyên theo dõi để có biện pháp điều chỉnh kịp thời.

Bắc Ninh, ngày 12 tháng 5 năm 2023

Trưởng phòng



Phạm Thái Giang

Lãnh đạo đơn vị



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Bình

